

Số: 1413/TB-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 13 tháng 12 năm 2019

THÔNG BÁO

**Về việc công khai dự toán ngân sách và phân bổ dự toán
ngân sách nhà nước thành phố Thủ Dầu Một năm 2020
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Dầu Một)**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Qua xem xét tờ trình số 3362/TTr-TCKH ngày 13/12/2019 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, UBND thành phố công khai dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thành phố năm 2020 (Dự toán trình Hội đồng nhân dân thành phố) như sau:

1. Tờ trình dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thành phố Thủ Dầu Một năm 2020.
2. Số liệu: Biểu số 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79/CK-NSNN.

Trên đây là nội dung công khai dự toán ngân sách thành phố và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thành phố Thủ Dầu Một năm 2020. /v

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Lộc Hà

Số: 3362/TT-Tr-TCKH

Thủ Dầu Một, ngày 13 tháng 12 năm 2019

VĂN PHÒNG UBND-UBND TP. THỦ DẦU MỘT

ĐẾN Số: 1340.3/V
Ngày: 12/12/19
Chuyên: *[Handwritten]*
Lưu hồ sơ số: *[Handwritten]*

TỜ TRÌNH

Về việc công khai dự toán ngân sách và phân bổ dự toán
ngân sách nhà nước thành phố Thủ Dầu Một năm 2020
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Dầu Một)

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách,

Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố đã thống kê và tổng hợp đầy đủ các mẫu biểu theo quy định về việc công khai dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thành phố năm 2020 (Dự toán trình Hội đồng nhân dân thành phố) theo các biểu số 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79/CK-NSNN.

Kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một công khai dự toán ngân sách thành phố và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thành phố Thủ Dầu Một năm 2020 theo quy định.

(Đính kèm 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79/CK-NSNN). *[Handwritten signature]*

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- LĐ phòng TCKH;
- Bộ phận: NS, ĐT;
- Lưu: VT, Th.

[Handwritten signature] **TRƯỞNG PHÒNG**



[Handwritten signature]
Lê Nguyễn Trích Lan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÔNG KHAI
DỰ TOÁN NĂM 2020 TRÌNH HĐND THÀNH PHỐ TDM
(Lần thứ mười ba Khóa XI, tháng 12 năm 2019)



Tháng 12 năm 2019

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
(Dự toán trình HĐND lần thứ 13 Khóa XI, tháng 12 năm 2019)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2019	UTH năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	2.046.532	3.784.263	3.108.351	82,14
I	Thu ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp	1.413.120	1.661.729	1.822.587	109,68
1	Thu ngân sách thành phố hưởng 100%	788.953	970.030	1.099.424	113,34
2	Thu ngân sách thành phố hưởng từ các khoản thu phân cấp	624.167	691.699	723.163	104,55
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	509.819	509.819	585.764	114,90
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	435.034	435.034	435.034	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	74.785	74.785	150.730	201,55
III	Thu kết dư	123.593	1.434.397	700.000	48,80
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	178.318	0	0,00
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.975.756	1.930.132	3.108.351	161,04
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	1.975.756	1.930.132	3.108.351	161,04
1	Chi đầu tư phát triển	364.904	486.128	1.093.979	225,04
2	Chi thường xuyên	1.557.587	1.444.004	1.732.238	119,96
3	Dự phòng ngân sách	53.265	0	77.400	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			204.734	
II	Chi các chương trình mục tiêu				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

* Ghi chú:

(1) Đối với các chi tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành (Cột 4 = 3-2; cột 5 = 3/2)
Đối với các chi tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành (Cột 4 = 3-1; cột 5 = 3/1)

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2020**

(Dự toán trình HĐND lần thứ 13 Khóa XI, tháng 12 năm 2019)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2019	UTH năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ				
I	Nguồn thu ngân sách	2.006.451	3.695.973	3.063.498	82,89
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.382.432	1.632.378	1.791.297	109,74
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	509.819	509.819	585.764	114,90
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	435.034	435.034	435.034	100,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	74.785	74.785	150.730	201,55
3	Thu kết dư	114.200	1.382.615	686.437	49,65
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	171.161	0	0,00
II	Chi ngân sách	1.935.675	1.908.486	3.063.498	160,52
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thành phố	1.612.988	1.585.799	2.728.332	172,05
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp phường	322.687	322.687	335.166	103,87
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	146.143	146.143	146.143	100,00
-	Chi bổ sung có mục tiêu	176.544	176.544	189.023	107,07
3	Chi chuyển nguồn ngân sách sang sau				
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP				
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG				
I	Nguồn thu ngân sách	362.768	410.977	380.019	92,47
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	30.688	29.351	31.290	106,61
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thành phố	322.687	322.687	335.166	103,87
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	146.143	146.143	146.143	100,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	176.544	176.544	189.023	107,07
3	Thu kết dư	9.393	51.782	13.563	26,19
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	7.157		0,00
II	Chi ngân sách	362.768	344.333	380.019	110,36
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp phường	362.768	344.333	380.019	110,36
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách				
-	Chi bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

* Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành (Cột 4 = 3-2; cột 5 - Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành (Cột 4 = 3-1; cột 5 = 3/1)

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THEO LĨNH VỰC NĂM 2020**

(Dự toán trình HĐND lần thứ 13 Khóa XI, tháng 12 năm 2019)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN (I+II+III+IV+V+VI+VII)	9.445.574	3.784.263	5.171.677	3.108.351	54,75	82,14
I	Thu nội địa	3.596.111	1.661.317	3.885.913	1.822.587	108,06	109,71
	<i>Trong đó thành phố quản lý</i>	<i>3.528.759</i>	<i>1.661.317</i>	<i>3.885.913</i>	<i>1.822.587</i>		
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	0	0				
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	27.960	0			0	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	3.858	0			0	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	1.693.573	610.490	1.769.211	637.827	104,47	104,48
	- Thuế giá trị gia tăng	1.081.749	389.430	1.128.827	406.378	104,35	104,35
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	573.676	206.523	616.746	222.029	107,51	107,51
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	36.892	13.281	22.214	7.997	60,21	60,21
	- Thuế tài nguyên	1.256	1.256	1.424	1.424	113,38	113,38
5	Thuế thu nhập cá nhân	258.465	82.465	241.000	86.760	93,24	105,21
	<i>Trong đó do thành phố quản lý</i>	<i>229.069</i>	<i>82.465</i>	<i>241.000</i>	<i>86.760</i>	<i>105,21</i>	<i>105,21</i>
6	Thuế bảo vệ môi trường	348	0			-	
7	Lệ phí trước bạ	821.382	821.382	967.000	967.000	117,73	117,73
8	Thu phí, lệ phí	42.945	37.085	29.000	17.000	67,53	45,84
	- Phí và lệ phí trung ương, tỉnh	5.860	0	12.000	0	204,78	
	- Phí và lệ phí huyện	37.085	37.085	17.000	17.000	45,84	45,84
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0			
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.937	30.937	30.000	30.000	96,97	96,97
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	57.516	57.516	67.000	62.000	116,49	107,80
12	Thu tiền sử dụng đất	602.499	0	760.702	0	126,26	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1	0			-	
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	17	0			-	
16	Thu khác ngân sách	56.610	21.442	22.000	22.000	38,86	102,60
	<i>Trong đó do thành phố quản lý</i>	<i>21.442</i>	<i>21.442</i>	<i>22.000</i>	<i>22.000</i>	<i>102,60</i>	<i>102,60</i>
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0	0				
18	Thu hồi vốn, thu cô tức (5)	0	0				
19	<small>Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế của lợi nhuận sau thuế của quỹ của doanh nghiệp nhà nước (2)</small>	0	0				
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)	0	0				
II	Thu từ dầu thô	0	0				

Stt	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.403.830	0	0	0	-	-
IV	Các khoản huy động đóng góp	412	412			-	-
V	Thu trợ cấp	832.506	509.819	585.764	585.764	70,36	114,90
VI	Thu kết dư	1.434.397	1.434.397	700.000	700.000	48,80	48,80
VI	Thu chuyển nguồn	178.318	178.318			-	-

Ghi chú:

- (1) Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (2) Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (3) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp mà phần vốn do tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ
- (4) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng đối với thành phố Hà Nội.

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ, CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

(Dự toán trình HĐND lần thứ 13 Khóa XI, tháng 12 năm 2019)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2020	Bao gồm	
			Ngân sách cấp thành phố	Ngân sách cấp phường
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	3.108.351	2.728.332	380.019
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	3.108.351	2.728.332	380.019
I	Chi đầu tư phát triển	1.093.979	1.000.740	93.239
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.093.979	1.000.740	93.239
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	Vốn phân cấp theo tiêu chí	233.979	233.979	0
	+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	29.600	29.600	
	+ Chi khoa học và công nghệ	0		
-	Vốn bổ sung có mục tiêu	90.000	90.000	0
	+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	90.000	90.000	
	+ Chi khoa học và công nghệ	0		
-	Vốn kết dư ngân sách thành phố	770.000	676.761	93.239
	+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.000	1.000	
	+ Chi khoa học và công nghệ	0		
II	Chi thường xuyên	1.732.238	1.453.858	278.380
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	515.317	509.767	5.550
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0
III	Dự phòng ngân sách	77.400	69.000	8.400
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	204.734	204.734	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020**

(Dự toán trình HĐND lần thứ 13 Khóa XI, tháng 12 năm 2019)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2020
A	B	1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	3.063.498
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	335.166
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC	2.728.332
I	Chi đầu tư phát triển	1.000.740
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.000.740
	- Chi hoạt động kinh tế	869.040
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	120.600
	- Chi y tế, dân số và gia đình	8.100
	- Chi an ninh	500
II	Chi thường xuyên	1.453.858
1	Các hoạt động kinh tế	334.313
2	Bảo vệ môi trường	225.977
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	509.767
4	Chi y tế, dân số và gia đình	66.160
5	Chi văn hoá-thông tin	29.954
6	Chi thể dục-thể thao	3.295
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.477
8	Chi khoa học và công nghệ	0
9	Chi bảo đảm xã hội	71.506
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	131.447
11	Chi an ninh quốc phòng địa phương	35.400
	- An ninh	15.400
	- Quốc phòng	20.000
12	Chi khác ngân sách	43.562
III	Dự phòng ngân sách	69.000
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	204.734
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỒ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020**

(Dự toán trình HĐND lần thứ 13 Khóa XI, tháng 12 năm 2019)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi VHTT	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi TDTT	Chi BVMT	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo XH	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông lâm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	TỔNG SỐ (+II+III+IV)	1.453.858	509.767	0	20.000	15.400	66.160	29.954	2.477	3.295	225.977	334.313	11.600	77.831	131.447	71.506	43.562
I	Cơ quan đơn vị, HCSN cấp thành phố	1.267.198	505.867	0	0	0	37.404	29.954	2.477	3.295	205.977	304.213	8.000	67.831	106.935	71.076	0
1	Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng	47.400	36.500									10.000					
2	Trung tâm Phát triển quỹ đất	10.000										1.547					
3	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.547									5.000						
4	Trung tâm Y tế	37.779					32.779										
5	Đài truyền thanh	2.477							2.477								
6	Trung tâm VH TT	21.964						18.669		3.295							
7	VP HĐND-UBND	12.036													12.036		
8	Phòng Tư pháp	3.013													3.013		
9	Phòng Tài chính	3.432													3.432		
10	Phòng Quản lý Đô thị	220.661									6.600	208.000	8.000		6.061		
11	Phòng kinh tế	78.415		0								76.831		67.831	1.584		
12	Phòng GD-ĐT	471.568	468.847												2.721		
13	Phòng Y tế	705													705		

Stt	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi VHTT	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi TDTT	Chi BVMT	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo XH	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	Phòng LĐ-TBXH	78.092	520				4.625								1.871	71.076	
15	Phòng văn hóa	13.401						11.060							2.341		
16	Phòng Tài nguyên và Môi trường	204.790									194.377	7.835			2.578		
17	Phòng Nội vụ	20.283						225							20.058		
18	Thanh tra	1.185													1.185		
19	VP Thành ủy	24.747													24.747		
20	UBMTQVN TP	1.983													1.983		
21	BCH Đoàn thanh niên	8.467													8.467		
22	Hội liên hiệp phụ nữ	2.172													2.172		
23	Hội Nông dân	677													677		
24	Hội cựu chiến binh	405													405		
	Các tổ chức XH, XH nghề nghiệp	3.012													3.012		
25	Hội chữ thập đỏ	838													838		
26	Hội người cao tuổi	242													242		
27	Hội cựu thanh niên xung phong	134													134		
28	Hội người mù	1.092													1.092		
29	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	56													56		
30	Hội bảo trợ Người khuyết tật - TMC - BNN	160													160		
31	Hội Khuyến học	100													100		
32	Hội Đông y	130													130		
33	Hội Kế hoạch hóa gia đình	60													60		
34	Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	200													200		

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2020

(Dự toán trình HĐND lần thứ 13 Khóa XI, tháng 12 năm 2019)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP	
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia					
					Tổng số					Trong đó: Phần NSDP được hưởng
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9=2+6+7+8
	TỔNG SỐ	380.019	31.290	31.290	0	0	335.166	13.563	0	380.019
1	UBND Phường Phú Cường	23.473	3.820	3.820			18.421	1.232		23.473
2	UBND Phường Hiệp Thành	25.385	2.924	2.924			21.368	1.093		25.385
3	UBND Phường Chánh Nghĩa	30.074	3.496	3.496			25.723	855		30.074
4	UBND Phường Phú Hòa	30.904	3.308	3.308			26.443	1.153		30.904
5	UBND Phường Phú Lợi	25.756	2.420	2.420			22.476	860		25.756
6	UBND Phường Phú Thọ	25.430	2.692	2.692			21.739	999		25.430
7	UBND phường Chánh Mỹ	24.329	620	620			22.673	1.036		24.329
8	UBND phường Tương Bình Hiệp	31.690	870	870			29.781	1.039		31.690
9	UBND phường Hiệp An	26.254	2.152	2.152			23.064	1.038		26.254
10	UBND phường Định Hòa	37.861	2.680	2.680			34.582	599		37.861
11	UBND phường Tân An	28.056	1.140	1.140			25.831	1.085		28.056
12	UBND phường Phú Mỹ	32.754	1.900	1.900			29.936	918		32.754
13	UBND phường Phú Tân	16.244	1.158	1.158			14.294	792		16.244
14	UBND phường Hòa Phú	21.809	2.110	2.110			18.835	864		21.809

**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
CHO NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2020**

(Dự toán trình HĐND lần thứ 13 Khóa XI, tháng 12 năm 2019)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1 = 2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	335.166	189.023	146.143	0
1	UBND Phường Phú Cường	18.421	8.111	10.310	
2	UBND Phường Hiệp Thành	21.368	11.497	9.871	
3	UBND Phường Chánh Nghĩa	25.723	15.350	10.373	
4	UBND Phường Phú Hòa	26.443	16.290	10.153	
5	UBND Phường Phú Lợi	22.476	11.665	10.811	
6	UBND Phường Phú Thọ	21.739	12.439	9.300	
7	UBND phường Chánh Mỹ	22.673	10.895	11.778	
8	UBND phường Tương Bình Hiệp	29.781	18.306	11.475	
9	UBND phường Hiệp An	23.064	11.748	11.316	
10	UBND phường Định Hòa	34.582	25.007	9.575	
11	UBND phường Tân An	25.831	14.104	11.727	
12	UBND phường Phú Mỹ	29.936	19.720	10.216	
13	UBND phường Phú Tân	14.294	5.098	9.196	
14	UBND phường Hòa Phú	18.835	8.793	10.042	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2019				Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019				Kế hoạch vốn năm 2020			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
A	Chỉ số kinh tế xã hội					5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Chỉ số kinh tế xã hội					71			71	71			71	71			71				
	Trung tu, sửa chữa một số hạng mục	TBH		30/6/16-08/8/17	3759 ngày 12/9/16	71			71	71			71	71			188.290	196.779			196.779
4	Chỉ số kinh tế xã hội					816.120			816.120	188.290			188.290	188.290			188.290	196.779			196.779
	Đường tổ 61, khu 8 (từ đường 30/4 đến đường Lê Hồng Phong), phường Phú Thọ					181.055			181.055	411			411	411			411	367			367
	Mở mới đường phân khu D13 (từ Phạm Ngọc Thạch đến N13, phường Phú Mỹ)																	200			200
	Xây dựng đường N6 (Đầu tuyến giáp đường Trần Văn Ôn cuối tuyến giáp đường Lê Hồng Phong)					114.862			114.862	65.996			65.996	65.996			65.996	32.626			32.626
	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Phú Mỹ (khu 1)					75.069			75.069	6.954			6.954	6.954			6.954	30.000			30.000
	Nâng cấp, mở rộng đường 30/4 (khu 6, tổ 8) đến đường Trần Văn Ôn				4847, ngày 27/1/10	46.040			46.040	6.542			6.542	6.542			6.542	3.000			3.000
	NCMR đường vào trường Nguyễn Chí Thanh (từ đường LCD đến đường HTH)	Tân An	đài 1272m	01/3/12-30/6/16	1224 ngày 01/4/15	2.439			2.439	2.439			2.439	2.439			2.439				
	Xây dựng mới đường Đồng Cây Viêt (đầu tuyến giáp đường Huỳnh Văn Lũy - cuối tuyến giáp đường tạo lực K.L.H), phường Phú Mỹ	Phú Mỹ	đài 1600 m	20/7/15-30/6/17	6259 ngày 26/8/11	1.862			1.862	1.862			1.862	1.862			1.862				
	Giáo lộ ngã 4 cây me	Tân An	Cấp III	16/12/16-31/12/17	108 ngày 14/01/10 1306 ngày 01/6/16	380			380	380			380	380			380	2.174			2.174
	Ngo vệt cuối cầu vượt	Hiệp Thành	Cấp III, hạ tầng kỹ thuật	30/8/17-25/02/18	152 ngày 17/2/17	241			241	241			241	241			241	1.000			1.000
	Đầu tư hệ thống chiếu sáng cho các phường trên địa bàn thành phố Thủ Đức Một	TP. TDM	Cấp IV	29/9/16-09/5/17	3671 ngày 30/10/15	518			518	518			518	518			518				
	Đường Lê Văn Tịch từ đường Hồ Văn Công đến cầu Xương	TBH	Cấp III, dài 1000m		6238 ngày 26/8/2011	7.500			7.500	7.500			7.500	7.500			7.500	1.000			1.000
	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Văn Lông (từ ĐL Bình Dương đến đường Huỳnh Văn Cù và nhánh Đèo Rừng) Tp. TDM, BD	Chánh Mỹ	Cấp III, dài 1810m	2017-2021	8676 ngày 14/11/11	22.451			22.451	22.451			22.451	22.451			22.451	10.000			10.000
	Nâng cấp mở rộng đường phân khu D11 (ĐX01) (từ Phạm Ngọc Thạch đến Mỹ Phước - Tân Văn)	Phú Mỹ	Cấp III, dài 1000m	2017-2019	2565 ngày 30/8/18	23.672			23.672	6.166			6.166	6.166			6.166	1.000			1.000
	XD đường Liên phường Hiệp Thành - Phú Lợi	HT-PL	Cấp III, dài 520m	2017-2019	7095 ngày 15/12/17	37.918			37.918	4.420			4.420	4.420			4.420	700			700
	Xây dựng đường giao thông từ ngã 3 đường Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh ra Sông Sài Gòn				2562 ngày 30/8/18	79.460			79.460	4.864			4.864	4.864			4.864	400			400
	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu D13 (từ ngã tư Y6 Cầu Bến Thê ra bờ bao sông Sài Gòn)	Phú Thọ	đài 360m	2018-2020		78.997			78.997									49.112			49.112
	Đường quy hoạch phân khu N3 (từ đường Huỳnh Văn Cù đến ranh dự án Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ)	Chánh Mỹ	đài 728m	2017-2021	5791, ngày 30/10/17	129.432			129.432	992			992	992			992	20.000			20.000
	Xây dựng công viên văn hóa phường Hiệp An				4475, ngày 01/11/16	3.423			3.423	2.902			2.902	2.902			2.902	200			200

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2019					Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020				
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoại nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoại nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoại nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoại nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương				
A	B		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
1	Chỉ sự nghiệp kinh tế giao thông....	Phủ Cường																700			700				
	Xây dựng trung tâm quản lý đô thị thông minh																	700			700				
III	PHONG VẠN HÒA THÔNG TIN THÀNH PHỐ																	500			500				
1	Cải tiến hóa thông tin																	500			500				
	Xây dựng các cụm paneo quảng cáo ngoài trời, hệ thống trang trí, chiếu sáng nghệ thuật, các biểu trưng, biểu tượng trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.	TDM																500			500				
IV	UBND 14 PHƯỜNG																								
1	Chỉ giao thông	Phủ Cường								76.243	76.243		76.243	76.243	76.243		76.243	93.239			93.239				
	UBND phường Phú Cường	Phủ Cường								2.394	2.394		2.394	2.394	2.394		2.394	971			971				
	UBND phường Chánh Mỹ	Chánh Mỹ								5.151	5.151		5.151	5.151	5.151		5.151	1.948			1.948				
	UBND phường Phú Lợi	Phủ Lợi								7.650	7.650		7.650	7.650	7.650		7.650	4.170			4.170				
	UBND phường Hiệp An	Hiệp An								5.945	5.945		5.945	5.945	5.945		5.945	4.385			4.385				
	UBND phường Phú Thọ	Phủ Thọ								3.630	3.630		3.630	3.630	3.630		3.630	5.890			5.890				
	UBND phường Hiệp Thành	Hiệp Thành								668	668		668	668	668		668	6.246			6.246				
	UBND phường Tương Bình Hiệp	TBHH								5.000	5.000		5.000	5.000	5.000		5.000	6.753			6.753				
	UBND phường Tân An	Tân An								11.000	11.000		11.000	11.000	11.000		11.000	7.046			7.046				
	UBND phường Phú Hòa	Phủ Hòa								7.581	7.581		7.581	7.581	7.581		7.581	6.272			6.272				
	UBND phường Chánh Nghĩa	Chánh Nghĩa								4.915	4.915		4.915	4.915	4.915		4.915	7.044			7.044				
	UBND phường Phú Mỹ	Phủ Mỹ								9.463	9.463		9.463	9.463	9.463		9.463	11.659			11.659				
	UBND phường Định Hòa	Định Hòa								3.663	3.663		3.663	3.663	3.663		3.663	15.418			15.418				
	UBND phường Hòa Phú	Hòa Phú								1.550	1.550		1.550	1.550	1.550		1.550	5.110			5.110				
	UBND phường Phú Tân	Phủ Tân								3.150	3.150		3.150	3.150	3.150		3.150	2.350			2.350				
2	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể									4.483	4.483		4.483	4.483	4.483		4.483	7.977			7.977				
	UBND phường Phú Cường	Phủ Cường								477	477		477	477	477		477	990			990				
	UBND phường Chánh Mỹ	Chánh Mỹ								761	761		761	761	761		761	1.160			1.160				
	UBND phường Phú Lợi	Phủ Lợi								20	20		20	20	20		20	130			130				
	UBND phường Hiệp An	Hiệp An								55	55		55	55	55		55	586			586				
	UBND phường Phú Thọ	Phủ Thọ																							
	UBND phường Hiệp Thành	Hiệp Thành																							
	UBND phường Tương Bình Hiệp	TBHH																							
	UBND phường Tân An	Tân An								50	50		50	50	50		50	1.730			1.730				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Thủ Dầu Một, ngày tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước
thành phố Thủ Dầu Một năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
KỶ HỌP THỨ MƯỜI BA - KHÓA XI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ Ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Xét tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thành phố Thủ Dầu Một năm 2020; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thành phố Thủ Dầu Một năm 2020, cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn do thành phố quản lý 5.171 tỷ 677 triệu đồng (Năm ngàn, một trăm bảy mươi một tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng), gồm: thu nội địa: 3.885 tỷ 913 triệu đồng; thu trợ cấp: 585 tỷ 764 triệu đồng; thu kết dư: 700 tỷ đồng, giảm 8,02% so với ước thực hiện năm 2019, tăng 14,14% so với dự toán tình giao, trong đó thu mới ngân sách 3.885 tỷ 913 triệu đồng, tăng 11% so với ước thực hiện năm 2019, bằng 100% so với dự toán tình giao.

2. Tổng chi ngân sách địa phương 3.108 tỷ 351 triệu đồng (Ba ngàn, một trăm lẻ tám tỷ, ba trăm năm mươi một triệu đồng), tăng 61,04% so với ước thực hiện năm 2019, tăng 25,97% so với dự toán tình giao, trong đó: chi đầu tư phát

triển 1.093 tỷ 979 triệu đồng (phân cấp cho ngân sách phường 93 tỷ 239 triệu đồng), chiếm tỷ trọng 35,19% tổng chi ngân sách.

Kèm theo các biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP, gồm:

+ Cân đối ngân sách địa phương năm 2020: Biểu mẫu số 15.

+ Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm 2020: Biểu mẫu số 16.

+ Dự toán chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm 2020: Biểu mẫu số 17.

3. Phân bổ dự toán ngân sách thành phố Thủ Dầu Một:

- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp thành phố và ngân sách phường năm 2020: Biểu mẫu số 30.

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng phường theo lĩnh vực năm 2020: Biểu mẫu số 32.

- Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp thành phố và chi ngân sách phường theo cơ cấu chi năm 2020: Biểu mẫu số 33.

- Dự toán chi ngân sách cấp thành phố theo lĩnh vực năm 2020: Biểu mẫu số 34.

- Dự toán chi ngân sách cấp thành phố cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2020: Biểu mẫu số 35

- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp thành phố cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2020: Biểu mẫu số 36.

- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp thành phố cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2020: Biểu mẫu số 37.

- Dự toán thu, chi ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm 2020: Biểu mẫu số 39.

- Dự toán chi ngân sách địa phương từng phường năm 2020: Biểu mẫu số 41.

- Dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách từng phường năm 2020: Biểu mẫu số 42.

- Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2020: Biểu mẫu số 46.

4. Biện pháp thực hiện:

a. Đối với số thu tăng thêm so với dự toán ngân sách năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố lập phương án sử dụng số tăng thu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

b. Đối với quỹ dự phòng ngân sách năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc sử dụng đúng mục tiêu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; định kỳ hàng quý báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố kết quả thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

c. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước phải chịu trách nhiệm cá nhân về những vi phạm trong quản lý, điều hành ngân sách; xử lý nghiêm và công khai các hành vi vi phạm.

d. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cộng đồng đối với việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Dầu Một kỳ họp thứ mười ba - khóa XI thông qua ngày tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./. ✍

~~Nơi nhận~~

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Các Đại biểu HĐND Tỉnh khu vực thành phố;
- Sở Tư pháp (kiểm tra);
- Sở Tài chính;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan ban ngành, đoàn thể thành phố;
- TT. HĐND, UBND các phường;
- LĐVP, các CVVP;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TCKH, (91).

CHỦ TỊCH